

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **131/2021/HSST**

Ngày: 15/10/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thị Dung – Bí thư Đảng ủy xã Hòa Minh

2/ Ông Dương Khắc Hùng – Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tuy Phong

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HS, ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84a/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa... số 57/2021/QĐ-HPT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn Đ** (tên gọi khác: Đ Cọp), Giới tính: Nam; sinh năm 1965, tại thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Trần Văn K, sinh năm 1939 và mẹ: Hồ Thị L, sinh năm 1947, hiện ở khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1984; Vợ, con: chưa có

Quá trình hoạt động nhân thân: Tại bản án số 07/1994/HSST ngày 04.3.1994 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt Trần Văn Đ 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản công dân”. Tại bản án số 18/1996/HSST ngày 28.3.1996 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử phạt Trần Văn Đ 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản công dân”. Tại bản án số 125/1998/HSST ngày 23.11.1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt Trần Văn Đ 04 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản công dân”, 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho hai tội là 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 31.01.2003 (Đã được xón án tích)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, tên gọi khác: Gà Nồ; Giới tính: Nam; sinh năm: 1987, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 hiện ở khu phố M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1994; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Có 02 tiền án. Tại bản án số 96/2007/HSST ngày 15.8.2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt Nguyễn Thanh T 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tại bản án số 45/2011/HSST ngày 14.7.2011 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt Nguyễn Thanh T 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 27.01.2018 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: không; Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái trong vụ án khác và hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ tại Công an huyện P; Có mặt

- Người bị hại: **Lê Thanh T1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện P, Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 07.10.2020, Trần Văn Đ đi đến nhà Nguyễn Thanh T ở khu phố M, thị trấn P, Đ rủ T đi đến khu vực rẫy nhà của Đ tại thôn T, xã C, huyện P trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài mua ma túy sử dụng, T đồng ý. T mượn xe mô tô của một người thanh niên ở gần nhà T điều khiển chở Đ ngồi phía sau đi ra rẫy nhà của Đ. Đ và T phát hiện gần khu vực rẫy của nhà Đ có nhà của Lê Thanh T1 đóng cửa, không có người trông coi. Đ và T đi đến cửa sổ dùng tay giật mạnh làm bung cửa sổ. T đi vào bên trong nhà để tìm tài sản, Đ ở bên ngoài canh giới. T lấy 01 chiếc ấm siêu nấu thuốc màu xanh hiệu PHUQUY bỏ vào bịch nylon màu đen rồi đưa qua cửa sổ cho Đ, Đ cầm tài sản đưa ra móc ở xe mô tô và quay lại thì T mở cửa sau nhà, Đ đi vào trong nhà cùng T tìm tài sản. Đ thấy có 01 chiếc tivi hiệu Sony màn hình mỏng nên nói với T lấy chiếc tivi, T đồng ý. T lấy tuavit có sẵn trong nhà Tài mở lấy tivi và 01 đầu K+ gắn cùng với tivi, T vác tivi, Đ cầm đầu K+ đi ra vị trí để xe mô tô và bỏ những tài sản vừa trộm cắp được vào 01 bao màu trắng. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau ôm các tài sản vừa trộm cắp được chở về nhà T cất giấu. Đ và T về đến nhà T thì mở bao tải ra kiểm tra những tài sản vừa trộm cắp được, Đ và T phát hiện tivi hiệu Sony bị móp một phần ở màn hình do quá trình vận chuyển, T đưa những tài sản vừa trộm cắp được vào nhà cất giấu. Đến chiều ngày 07.10.2020 Tài về nhà phát hiện bị mất trộm tài sản và được người dân xung quanh cho biết thấy Đ đến khu vực nhà T1. Đến sáng ngày 08.10.2020 T1 đi tìm gặp Đ hỏi chuyện thì Đ thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại nhà Tài và dẫn Tài đến nhà của Nguyễn Thanh T. T giữ lại ấm siêu nấu thuốc màu xanh hiệu PHUQUY và trả lại cho cho T1 tivi hiệu Sony và 01 cái đầu thu K+. Ngày 08.10.2020 T1 đã đến Công an xã C trình báo toàn bộ sự việc. Ngày 03.12.2020 Nguyễn Thanh T đã tự nguyện giao nộp 01 ấm siêu nấu thuốc màu xanh hiệu PhuQuy cho Cơ quan cảnh sát điều tra.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐG ngày 27.11.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận tài sản của Lê Thanh Tài trị giá:

+ 01 chiếc tivi hiệu Sony 40 inch màu đen, ký hiệu KLC-40R350C, giá trị sử dụng còn lại khoảng 100%, trị giá: 8.690.000 đồng/chiếc x 100% = 8.690.000 đồng;

+ 01 bộ đầu thu kỹ thuật số K+, màu đen, model: DSI424VSTV giá trị sử dụng còn lại khoảng 50%, trị giá: 990.000 đồng/bộ x 50% = 495.000 đồng;

+ 01 âm sắc thuốc tự động sử dụng điện bằng gốm, màu xanh ngọc, hiệu Phú Quý, giá trị sử dụng còn lại khoảng 80%, trị giá: 210.000 đồng/chiếc x 80% = 168.000 đồng;

Tổng cộng: 9.353.000 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng)

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 76/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt hành án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58, khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T mức án 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt tại bản án số 69/2021/HSST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, buộc bị cáo phải chấp hành 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Về tang vật chứng của vụ án: sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc tivi hiệu Sony 40 inch màu đen, ký hiệu KLC-40R350C; 01 bộ đầu thu kỹ thuật số K+, màu đen, model: DSI424VSTV và 01 âm sắc thuốc tự động sử dụng điện bằng gốm, màu xanh ngọc, hiệu Phú Quý cho bị hại Lê Thanh T1 theo quy định pháp luật.

Riêng đối với xe mô tô hiệu bị cáo T và bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội, đây là tài sản bị cáo T mượn của người thanh niên, do chưa rõ lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả 3.500.000đ tiền để sửa chữa tivi bị hư hỏng cho người bị hại Lê Thanh T1. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 76/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào hơn khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07.10.2020 tại thôn T, xã C, huyện P. Do bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thanh T đã lén lút, bí mật lấy cắp 01 chiếc tivi hiệu Sony 40 inch màu đen ký hiệu KLC-40R350C; 01 bộ đầu thu kỹ thuật số K+, màu đen, model: DSI424VSTV và 01 âm sắc thuốc tự động sử dụng điện bằng gốm, màu xanh ngọc, hiệu Phú Quý, có tổng trị giá 9.353.000 đồng của Lê Thanh T1 để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì bị phát hiện thu giữ.

Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giải đơn. Bị cáo Đ và bị cáo T cùng thống nhất ý chí đi trộm cắp tài sản của người khác, nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ hành vi và hậu quả gây ra. Tuy nhiên bị cáo Đ là người rủ rê bị cáo T cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên xử lý bị cáo Đ nghiêm hơn bị cáo T tham gia với vai trò giúp sức.

Bị cáo Nguyễn Thanh T đã có 02 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đã tái phạm chưa xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Hành vi nêu trên của bị

cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vì vậy, Cáo trạng số 76/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Trần Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là công dân đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây nghi kỵ không tốt trong nội bộ quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, các bị cáo có nhân thân không tốt là đối tượng nghiện ma túy nên cũng cần xử lý các bị cáo nghiêm minh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Riêng bị cáo Trần Văn Đ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo có nhân thân không tốt, là đối tượng nghiện ma túy, gây ra nhiều vụ án khác, chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật. Xét nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, thông qua đó để phòng ngừa chung cho toàn xã hội, đồng thời răn đe cho những ai có ý đồ phạm tội tương tự.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

Về tang vật chứng của vụ án: sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc tivi hiệu Sony 40 inch màu đen, ký hiệu KLC-40R350C; 01 bộ đầu thu kỹ thuật số K+, màu đen, model: DSI424VSTV và 01 ấm sắc thuốc tự động sử dụng điện bằng gốm, màu xanh ngọc, hiệu Phú Quý cho bị hại Lê Thanh T1 theo quy định pháp luật.

Riêng đối với xe mô tô hiệu bị cáo T và bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội, đây là tài sản bị cáo T mượn của người thanh niên, do chưa rõ lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại Lê Thanh T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn Đ** và bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Đ 12 (mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt **24 (hai mươi bốn)** tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 69/2021/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo phải chấp hành chung 02 bản án: **04 (bốn)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2021.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thanh T mỗi người phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy